

NGHỆ THUẬT THƠ PHẠM TIẾN DUẬT

Bạch Thanh Vân

Khoa Tiếng Việt và Văn hoá Việt Nam cho người nước ngoài

Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐHQG Hà Nội

Một tác phẩm có giá trị là tác phẩm thành công cả về nội dung lẫn nghệ thuật. Vẻ đẹp của tư tưởng phải nhờ hình thức biểu đạt thông qua một ngôn ngữ giàu sức biểu cảm và những hình ảnh hết sức đa dạng được chất lọc từ cuộc sống. Một tác phẩm biểu hiện những trạng thái tình cảm vừa riêng tư và có ý nghĩa tiêu biểu cho một con người cụ thể, sống trong một hoàn cảnh, một thời điểm mang dấu ấn lịch sử nhất định. Ở đây, tác phẩm "VÀNG TRẮNG, QUẩNG LỬA" đã bộc lộ rất rõ bản sắc độc đáo của tác giả. Phong cách sáng tạo của tác giả không phải do bút pháp quy định mà do cái "Tài của tâm hồn, cái gốc do quan sát và cách đánh giá việc đời in dấu vết lên".

Vốn sống chỉ có thể thành tài liệu nghệ thuật khi được nhà văn đánh giá qua lăng kính riêng, khi đó nó được nằm trong lò cảm xúc cháy lên ngọn lửa cá tính của nhà văn.

Cá tính sáng tạo trước hết là ở tấm lòng nhà thơ biết sáng tạo vì lợi ích của nhân dân, ở sự nhạy bén trước những vấn đề sống còn của thời đại. Tập "VÀNG TRẮNG, QUẩNG LỬA" là suy nghĩ của nhà thơ về sự sống và về cuộc chiến đấu anh trực tiếp tham gia. Ở đâu không có lý tưởng, khát vọng, không có con người chủ quan tích cực của tác giả thì ở đó không hề có nghệ thuật : "*Nghe ai là người biết nghiền ngẫm những an tường riêng, chủ quan của mình, tìm ra trong ấy cái ý nghĩ chung, khách quan, và biết đem lại cho những tình ý của riêng mình, hình thức của riêng mình*" (1).

Thơ là sự kết hợp hài hoà giữa ý và tứ. Trong tập "VÀNG TRẮNG, QUẩNG LỬA" trước hiện thực lớn lao, tác giả đã tạo nên những tứ thơ

độc đáo không theo một lối mòn quen thuộc. Ý và tứ đóng một vai trò rất quan trọng trong thơ. Nếu thiếu ý, thơ trở lên hời hợt, chung chung. Nếu thiếu tứ, bài thơ sẽ rời rạc, không có hồn. Mỗi bài thơ Phạm Tiến Duật gắn bó với từng con đường, từng chuyến xe. Tứ thơ của anh rất độc đáo, phong phú, táo bạo, đó là tứ thơ của người trong cuộc.

Bài thơ "NHỚ" dẫn dắt người đọc vào tứ thơ, cô đọng. Chất sâu lắng của tứ là do xúc cảm của tâm trạng tác giả được miêu tả bằng hình tượng chứ không phải là sự kể lể của ngôn ngữ. Sự liên tưởng độc đáo ở hai câu thơ cuối bài thơ tưởng như đã khép tứ thơ lại:

... Nằm ngửa nhớ trăng, nằm nghiêng nhớ bến

Nôn nao ngồi dậy nhớ lưng đeo.

Nhưng trên thực tế tứ thơ đã mở ra một ý thơ mới, khoẻ hơn, hình tượng thơ vút lớn dậy, tập trung sự chú ý của người đọc vào "điểm ngồi sáng" ở cuối bài thơ mà tuyệt nhiên không gượng gạo... bài thơ ngắn gọn và đọc lên như một lời tâm sự. Khi đọc hết bài thơ, ta thấy hình tượng, xúc cảm được phát triển đều đặn, khoẻ khoắn, có ý nghĩa tích cực trong việc gây xúc cảm thẩm mỹ cho độc giả.

"Anh bắt đầu làm thơ với ý thức tìm kiếm ở chung quanh, ở trước sau một lời thể hiện tâm hồn, một cách biểu hiện thực tế, một bút pháp không theo con đường có sẵn mà mở ra một hướng cho riêng mình" (2).

Anh nghiêm túc tìm tòi từ công việc gắn bó với tuyến đường, tự mình thể hiện từ cuộc chiến đấu cho đến việc phát hiện tứ thơ, trau dồi ngôn ngữ. Bài thơ "VẮNG TRĂNG, QUẢNG LỬA" là một bài thơ có tứ đặc biệt. Câu thơ toát lên vẻ từng trải với âm thanh, hình ảnh, cảm giác, gợi lên trong ta một sức sống mãnh liệt. Cấu tứ bài "LỬA ĐÈN" được tạo nên từ hình ảnh ngọn lửa của cây đèn, bóng đêm, từ hình ảnh tượng trưng của :

Trái nhót như bóng đèn tín hiệu

... Quả cà chua như cái đèn lồng nhỏ xúi

Cấu tứ bài "CHUYỆN HÀNG CÂY YÊU ĐƯỜNG" ở đây là cổ điển nhưng khi đọc bài thơ của Phạm Tiến Duật chúng ta lại tìm thấy những đường nét trẻ trung, hồn nhiên, mới mẻ :

Góc công viên ngày xưa

Cây nhường cho pháo

Chỉ dành phần cội đã cưa

Cho chiến sĩ phòng không ngồi thổi sáo.

Thông minh, sáng tạo kết hợp với tưởng tượng, tái tạo, nhà thơ biết dừng lại ở những sự việc tưởng chừng như đơn giản không có gì đáng nói để thông qua những hiện tượng, quan hệ chông chéo lên nhau xây dựng hình tượng thơ có ý nghĩa lớn lao cho hôm nay và cho tương lai. Từ "*Cục tác chiến báo sang tin cuối cùng*" cho đến "*Bộ thống sử hoàn thành*" trong hăm trú ẩn.

Hình tượng trong thơ Phạm Tiến Duật là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa hiện thực và lý tưởng. Thực tế chiến đấu mà anh là người trong cuộc đã tạo nên cái nền cho thơ anh bay bổng mà vẫn không xa rời cuộc sống:

Dấu hố bom ngồi bên còn bay mùi khét

Tóc lá xả đầu đỏ vẫn bay hương

Đêm tắt lửa trên đường

Khi nghe gần xa tiếng bước chân rập rịch

Là tiếng những đoàn quân xung kích

Đi qua.

(Lửa đèn)

Hình tượng của thơ Phạm Tiến Duật còn biểu hiện sự liên tưởng độc đáo, trí tưởng tượng phong phú, cảm quan nhạy bén của tác giả: "*Phạm Tiến Duật đã có những bài thơ hay, hay cả hồn lẫn xác, hay trên giấy trắng mực đen...*" (3).

Hình tượng thơ của anh được thử thách qua thời gian vẫn lắng đọng trong người đọc:

Nằm ngửa nhớ trăng, nằm nghiêng nhớ bến

Nôn nao ngồi dậy nhớ lưng đeo

(Nhớ)

Đề tài trong thơ Phạm Tiến Duật được xử lý độc đáo, từ những đề tài khác nhau tác giả biểu hiện những vấn đề trung tâm của thời đại. Từ tình cảm riêng tư tác giả khái quát lên tình cảm cách mạng:

*Ta dẫn nhau đến ngôi nhà đèn hoa lấp lánh
Nơi ấy là phòng cưới chúng mình
Ta sẽ làm cây đèn kéo quân thật đẹp
Mang hình những người những cảnh hôm nay
Cho những cuộc hành quân nào còn trong bóng tối
Sẽ hiện muôn đời trên mặt ngòn đèn xoay.*

(Lửa đèn)

Từ nhiều đề tài thơ anh như kể lại từng chi tiết, vấn đề, hoàn cảnh, tâm trạng... Mỗi bài thơ đều rút ra một ý nghĩa. Dòng thơ xen lẫn với sự hồn nhiên tình nghịch của tuổi trẻ, từ tâm sự của đồng chí coi kho, tình cảm người mẹ với bộ đội, tình yêu trên tuyến đường, tiếng bom rơi Seng Phan, chiếc xe không kính, ngọn lửa và cây đèn... Phạm Tiến Duật không né tránh những sự hy sinh mất mát khó khăn gian khổ và anh tiếp nhận những thái độ điềm tĩnh, tình cảm vững vàng...

*Không thể ngờ chỉ ít giờ trước đó
Những chiếc từ đất lửa về đây
Hai phút trên đều một lượt máy bay
Lá nguy trang như còn bốc khói
Và bãi đất này như cái lưng người giờ ra không biết mới
Qua một cơn mưa lại lạnh lặn như thường*

(Nghe hò đêm bốc vác)

Cái tôi trữ tình trong thơ anh được bộc lộ đa dạng. Cái tôi trữ tình dẫu sau một cuộc hành quân, một đêm vượt trọng điểm. Cái tôi trữ tình của anh được tạo nên từ đời sống nội tâm phong phú, tâm sự kin đáo, hình tượng thơ biểu hiện khá rõ ý nghĩa của bài thơ. Tác giả biết vượt lên cái tôi nhỏ bé, cái riêng của mình hoà với cuộc sống chung. Tác giả biểu hiện lý tưởng, tình yêu qua nhân vật của mình. Giữa nhân vật trữ tình và tác giả có sự cảm thông và hoà nhập từ bên trong:

*Cùng mắc vòng trên rừng Trường Sơn
Hai đứa ở hai đầu xa thăm
Đường ra trận mùa này đẹp lắm
Trường Sơn Đông nhớ Trường Sơn Tây.*

(Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây)

Thơ Phạm Tiến Duật đậm đà bản sắc dân tộc với âm hưởng của ca dao dân ca, một cái tên gọi dân dã. Câu thơ nghiêng về hình thái tự nhiên, đọc lên không trơn tuột. Hình ảnh đất nước thông qua tiếng đàn tam thập lục:

*Sóng Tô Lịch như trở về thời Lý
Nước mênh mang thuyền rơi bên hàng Buồm
Khúc đàn cao, bay thơ trên Tháp Bút
Đoạn đàn trầm rùa nổi mặt Hồ Gươm.*

Tính dân tộc biểu hiện qua tình yêu thiên nhiên, bầu trời, con đèo, đoạn đường, day núi, ánh lửa, ánh trăng, ngọn đèn, cánh rừng... tính dân tộc còn biểu hiện trong phương pháp sử dụng "Môtíp" trữ tình của ca dao, dân ca như con bướm, con chuồn chuồn, con voi:

*Tiếp bước hành quân băng qua trường rậm
Ngang đường gặp một đàn voi
Mưa lịch sử chuốt những đôi ngà vàng óng
Dấu ấn chân voi vừa đi vừa đóng...*

(Chuyện lạ gặp trên đường hành quân)

Phạm Tiến Duật sử dụng tính dân tộc kết hợp với tính hiện đại. Hình ảnh, ngôn ngữ vần điệu không xưa cũ, mòn sáo:

*Anh yêu em, anh đợi anh chờ
Ngày chủ nhật sao em không tới
Đồng nông trường đêm về với vợ
Hơi tay em trong đất ẩm còn thơm
Nhớ em, lòng dạ bồn chồn*

(Nhật ký yêu đương)

Phạm Tiến Duật hay sử dụng các hình ảnh ghép "quả cây - ngọn đèn". Hình ảnh "Các nhánh cây cùng thấp sáng" bắt nguồn từ hình ảnh ngọn đèn quan họ, đèn thúng Tám chơi trăng.

Thơ anh gần gũi với tiếng nói, câu đùa hàng ngày nhưng vẫn giàu âm điệu, chất thơ. Thơ anh gần với văn xuôi, chữ dùng nôm na, mộc mạc. Vẻ đẹp từ ngữ nằm trong sự phản ánh chính xác:

Cái vết thương xoàng mà đưa viện

Hay: ... *cột chụp lấy khuôn mặt của ta*

Trái ngược với loại thơ êm mượt, bằng phẳng. Thơ Phạm Tiến Duật có nhạc điệu riêng, đó là nốt nhạc của nội tâm, là dây cung cao vút của tâm hồn; tiết tấu trầm lắng hay dồn dập của tư duy của các thủ pháp nghệ thuật: so sánh, liên tưởng, ẩn dụ, tương phản, khái quát. Chắc ai cũng nhớ bài thơ Trường Sơn Đông-Trường Sơn Tây :

Cùng mắc vòng trên rừng Trường Sơn...

Hay ... *anh lên xe, trời đổ cơn mưa*

Cái gạt nước xua đi nỗi nhớ

Em xuống núi nặng về rục rờ

Cái nhành cây gạt nỗi riêng tư.

"Thơ là thơ đồng thời cũng là vẽ là nhạc, là chạm khắc theo một cách riêng" (4).

Cuộc sống tạo nên nhịp điệu riêng cho từng nhà thơ. Nhịp điệu thơ Phạm Tiến Duật là nhịp điệu mang hơi thở chiến trường sôi động, hào hùng, anh dũng, lạc quan tin tưởng vào ngày chiến thắng. Mặc dù thơ anh gần với tiếng nói thường ngày nhưng anh vẫn giữ được sự cân đối hài hoà trong nội dung cũng như hệ thống ngôn ngữ:

Còn giao hưởng nào hơn giao hưởng Trường Sơn

Tiếng người, tiếng xe, tiếng súng, tiếng bom

Tiếng đem khuya con Công tổ họ

Tiếng núi xô ầm ầm đá đỏ

Tiếng gió đi vào, tiếng gió đi ra

Tiếng rầm rì hai miền đi qua.

(Chào những đoàn quân tuyên truyền, chào những đoàn quân nghệ thuật)

Phạm Tiến Duật có nhiều sáng tạo trong việc sử dụng ngôn ngữ để biểu hiện nội dung tác phẩm. Anh dùng ngôn ngữ chính xác, chi tiết nên nêu bật được những hình ảnh sinh động, xác thực :

Đi công kênh là anh họa sĩ

Đi có mới chào là chị văn công

Đi chưa đến đoàn lại ghé sang đồng

Là anh làm văn tính hay tí mĩ...

Anh còn sử dụng nhiều biện pháp tu từ : điệp từ, từ láy, tượng trưng, ẩn dụ, liên tưởng tạo âm hưởng khoẻ khoắn, dạt dào tình cảm:

Không có kính, ừ thì ướt áo

Mưa tuôn mưa xối như ngoài trời

Chưa cần thay, lái trăm cây số nữa

Mưa ngừng, gió lùa khô mau thôi.

(Bài thơ về tiểu đội xe không kính)

Thơ Phạm Tiến Duật đã để lại trong lòng người đọc những suy nghĩ sâu sắc về cuộc sống, về lý tưởng, đem đến cho cuộc sống những hình ảnh đẹp đẽ, tình cảm trong sáng thiết tha. Tuy vậy chúng ta muốn anh đi sâu hơn vào tâm tư, suy nghĩ của con người, đặc biệt là người chiến sĩ ngoài mặt trận trước cuộc chiến đấu vô cùng ác liệt, trước sự sống và cái chết.

" *Thơ anh đã được nuôi dưỡng bằng chất liệu sống thực, khoẻ, thơ hít không khí mặt trận dữ dội và tự tin, có thời gian ngẫm nghĩ về mọi vẻ của cuộc chiến đấu quyết liệt, dũng cảm*" (5).

Phạm Tiến Duật biết đi vào chi tiết cụ thể của đời sống từ những chi tiết nhỏ nhất cho đến những vấn đề có tầm khái quát rộng lớn. Cái riêng và cái chung hoà quyện lẫn nhau trong từng câu, từng chữ của cả tập thơ. Nỗi đau mất mát tạo lên sức mạnh cho con người hành động. Nếu không sống trong một hoàn cảnh có thật thì khó có tác giả nào tạo lên được những vần thơ hết sức hiện thực, cảm xúc trực tiếp ngoài mặt trận mà bất cứ một nghệ sĩ tài hoa nào cũng không thể viết được.

Thơ anh dài, đôi khi chữ dùng còn chưa trau chuốt bởi vậy ngôn ngữ thơ còn tự nhiên và hơi thô, thiếu ý, thơ không say, lý trí nhiều hơn tình cảm:

Kênh kênh giữa trọng điểm

Mười bánh to xù xì

Tiếng máy gầm nặng nhọc

Phanh hơi, thở phì phì.

(Chiếc xe anh cạ)

Thơ anh chủ yếu là thơ chiếu đấu. Chúng ta trân trọng những bài thơ nóng hổi, tinh thần dũng cảm. Anh chú ý phát triển những sự việc anh nhìn thấy, nghe thấy, cảm nhận được bằng những vần thơ khoẻ khoắn, trẻ trung. Một số phát hiện mới của anh trong một số vấn đề không ồn ào, phô trương. Anh viết nhẹ nhàng, kín đáo, giản dị. Tình yêu, hạnh phúc, quê hương, chiến tranh... là những đề tài chủ yếu được biệt hiện nhuần nhuyễn qua các hình tượng thơ. Thơ anh nhiều bài cụ thể mà không rời rạc, ý tứ, nhạc điệu, ngôn ngữ hoà nhịp uyển chuyển, mềm mại. Anh khái quát được vấn đề mà không rơi vào sự xô bồ, khó khăn. Phạm Tiến Duật viết không đều tay, mong rằng chúng ta sẽ gặp được những vần thơ hay của anh nhiều hơn nữa./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Goorki - *Tuyển tập* - XNBVH 1969.
2. Hoài Thanh - Số 6 - VNQĐ 1970.
3. Hoài Thanh - Số 8 - VNQĐ 1971.
4. Sóng Hồng - *Bàn về thơ* - NXBVH 1972.
5. Nhị ca - Báo Văn nghệ 1979.
6. Phạm Tiến Duật - *Vầng trăng và những quầng lửa*. NXBVH 1983.
7. Phạm Tiến Duật - *Thơ - Giải thưởng báo Văn nghệ* 1969. NXBVH 1970.